

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3602503768 do Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô V-2E, Đường số 11, Khu Công nghiệp Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 11C, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Đức	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Ông Vũ Minh Đức	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	
Ông Lê Thanh Duy	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để ngày 29 tháng 3 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0013858701/E-69239660

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty đã hoàn tất tăng vốn cổ phần sau ngày kết thúc năm tài chính thông qua chương trình Lựa chọn cho người lao động, về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		269.836.327.587	292.726.669.760
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	114.803.161.033	4.957.723.040
111	1. Tiền		60.603.161.033	4.957.723.040
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.200.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.664.134.000	4.512.122.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.664.134.000	4.512.122.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		126.101.957.602	270.625.472.841
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	64.345.485.480	52.027.786.687
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	6.623.021.697	5.490.082.191
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	132.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	62.875.744.828	98.233.349.660
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 9, 10	(7.742.294.403)	(17.125.745.697)
140	IV. Hàng tồn kho		8.489.289.913	2.112.190.679
141	1. Hàng tồn kho	11	8.489.289.913	2.112.190.679
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.777.785.039	10.519.161.200
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.013.562.304	325.788.803
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	14.646.310.583	8.609.144.127
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	117.912.152	1.584.228.270
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		446.600.199.535	244.370.711.239
210	I. Phải thu dài hạn		100.380.000.000	180.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	100.200.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	180.000.000	180.000.000
220	II. Tài sản cố định		46.431.321.220	46.840.100.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.329.473.268	5.825.270.393
222	Nguyên giá		8.491.317.221	8.110.808.637
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.161.843.953)	(2.285.538.244)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	41.101.847.952	41.014.829.776
228	Nguyên giá		41.160.859.091	41.055.859.091
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.011.139)	(41.029.315)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	106.851.852
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	106.851.852
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn	15	298.945.000.000	196.511.123.366
251	1. Đầu tư vào các công ty con		376.945.000.000	246.945.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		10.000.000.000	10.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(88.000.000.000)	(60.433.876.634)
260	V. Tài sản dài hạn khác		843.878.315	732.635.852
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	528.919.027	732.635.852
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	27.3	314.959.288	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		716.436.527.122	537.097.380.999

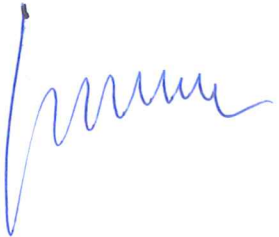
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.155.779.997	112.771.256.355
310	I. Nợ ngắn hạn		39.265.779.997	110.251.256.355
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	24.123.645.295	1.635.100.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.160.900.671	216.185.359
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.691.983.288	197.019.890
314	4. Phải trả người lao động		484.191.876	1.493.580.240
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.843.542.447	3.459.549.846
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.329.766.773	3.071.878.511
320	7. Vay ngắn hạn	20	630.000.000	96.664.871.380
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	6.001.749.647	3.513.070.360
330	II. Nợ dài hạn		1.890.000.000	2.520.000.000
338	1. Vay dài hạn	20	1.890.000.000	2.520.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		675.280.747.125	424.326.124.644
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	675.280.747.125	424.326.124.644
411	1. Vốn cổ phần		432.464.710.000	306.799.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		432.464.989.000	306.799.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		142.379.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.437.037.125	117.526.134.644
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		26.723.416.244	52.699.091.014
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		73.713.620.881	64.827.043.630
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		716.436.527.122	537.097.380.999

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Hồng Liên
Người lập

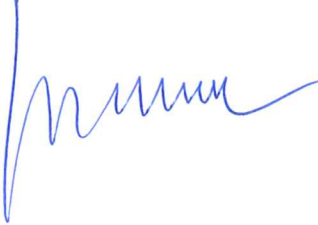

Nguyễn Đỗ Việt
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	486.382.411.031	346.507.976.109
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(4.468.614.023)	(10.297.693.942)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	481.913.797.008	336.210.282.167
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(376.657.176.725)	(261.609.720.183)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.256.620.283	74.600.561.984
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	55.599.597.304	68.780.824.932
22	7. Chi phí tài chính	24	(31.497.748.581)	(36.326.786.796)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.676.100.452)	(6.658.692.078)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(21.355.145.749)	(16.095.595.604)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(25.364.923.175)	(22.741.025.676)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.638.400.082	68.217.978.840
31	11. Thu nhập khác		1.470.533.130	83.721.009
32	12. Chi phí khác		(4.217.233)	(37.524.649)
40	13. Lợi nhuận khác		1.466.315.897	46.196.360
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.104.715.979	68.264.175.200
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(6.826.390.129)	(25.181.905)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	314.959.288	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		77.593.285.138	68.238.993.295


Nguyễn Hồng Liên
Người lập


Nguyễn Đỗ Việt
Kế toán trưởng


Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2026
Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.104.715.979	68.264.175.200
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	13, 14	894.287.533	353.120.232
03	Các khoản dự phòng		29.782.672.072	33.288.753.015
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(779.534.742)	(337.402.043)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(53.680.903.521)	(67.866.751.522)
06	Chi phí lãi vay	24	3.676.100.452	6.658.692.078
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		63.997.337.773	40.360.586.960
09	Giảm các khoản phải thu		56.370.799.530	41.781.202.311
10	Tăng hàng tồn kho		(6.377.099.234)	(915.144.966)
11	Tăng các khoản phải trả		20.588.655.655	1.992.717.075
12	Tăng chi phí trả trước		(484.056.676)	(222.733.008)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.535.607.301)	(8.149.980.229)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.000.000.000)	(1.475.181.905)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.390.984.970)	(2.759.912.803)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		124.169.044.777	70.611.553.435
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(378.656.732)	(5.348.751.852)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	44.545.454
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	8	(86.600.000.000)	(171.343.200.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi tiết kiệm	8	118.400.000.000	116.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(130.000.000.000)	(49.645.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.025.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.126.185.987	48.795.517.095
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(95.452.470.745)	(51.471.889.303)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		228.729.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	147.110.630.882	172.784.720.727
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(243.775.502.262)	(195.233.865.871)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(51.487.101.600)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		80.577.027.020	(22.449.145.144)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		109.293.601.052	(3.309.481.012)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.957.723.040	8.186.079.669
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		551.836.941	81.124.383
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	114.803.161.033	4.957.723.040

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hồng Liên
Người lập



Nguyễn Đỗ Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thù
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3602503768 do Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô V-2E, Đường số 11, Khu Công nghiệp Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 11C, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 57 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 54).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 29 tháng 3 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn không cần trích khấu hao	

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.334.007	3.246.835
Tiền gửi ngân hàng	60.600.827.026	4.954.476.205
Các khoản tương đương tiền (*)	54.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	114.803.161.033	4.957.723.040

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại và hưởng lãi suất 4,75%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ (USD) có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam và không hưởng lãi suất.

Công ty đã dùng toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	64.345.485.480	52.007.786.687
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nha đam Peso	13.967.779.778	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Nam Việt	11.096.664.120	1.352.084.400
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	10.729.998.150	8.841.677.118
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF – Nhà máy sữa LOF Hà Nội	4.133.060.166	4.636.440.000
- OKF Corporation	18.260.089.810	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.967.779.778	37.177.585.169
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	20.000.000
TỔNG CỘNG	64.345.485.480	52.027.786.687
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	(2.642.294.403)	(13.126.450.647)
GIÁ TRỊ THUẦN	61.703.191.077	38.901.336.040

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(13.126.450.647)	(13.280.181.981)
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	(1.115.843.756)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	153.731.334
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	11.600.000.000	-
Số cuối năm	(2.642.294.403)	(13.126.450.647)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	5.169.716.640	5.201.087.189
- Công ty TNHH Bao bì Ta	5.100.000.000	5.100.000.000
- Các khoản trả trước khác	69.716.640	101.087.189
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.453.305.057	288.995.002
TỔNG CỘNG	6.623.021.697	5.490.082.191
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	(5.100.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	1.523.021.697	5.490.082.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Cho vay trong năm	Thu hồi trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	132.000.000.000	86.600.000.000	(118.400.000.000)	(100.200.000.000)	-
Cho bên liên quan vay	132.000.000.000	26.600.000.000	(58.400.000.000)	(100.200.000.000)	-
Cho cá nhân vay	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Dài hạn	-	-	-	100.200.000.000	100.200.000.000
Cho bên liên quan vay (*)	-	-	-	100.200.000.000	100.200.000.000
TỔNG CỘNG	132.000.000.000	86.600.000.000	(118.400.000.000)	-	100.200.000.000

(*) Chi tiết khoản phải thu về cho bên liên quan vay dài hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Công ty Cổ phần Năng và Gió (Thuyết minh số 28)	100.200.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	4,6 - 5,9	Các khoản phải thu của khách hàng và toàn bộ hàng tồn kho đang chuẩn bị thu hoạch

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	62.875.744.828	98.233.349.660
Phải thu cổ tức	45.666.500.000	63.617.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	9.988.474.566	28.427.580.637
Phải thu tiền lãi cho vay	7.077.691.507	2.189.473.973
Khác	143.078.755	3.999.295.050
Dài hạn	180.000.000	180.000.000
Ký quỹ, ký cược	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	63.055.744.828	98.413.349.660
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	-	(3.999.295.050)
GIÁ TRỊ THUẦN	63.055.744.828	94.414.054.610
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	61.021.513.943	82.047.999.107
Phải thu bên khác	2.034.230.885	16.365.350.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty TNHH Bao bì Ta (*)	5.100.000.000	(5.100.000.000)	-	5.100.000.000	-	5.100.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh	-	-	-	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	-	-	-	3.959.295.050	(3.959.295.050)	-	
Khác	13.724.755.483	(2.642.294.403)	11.082.461.080	2.523.323.208	(1.566.450.647)	956.872.561	
TỔNG CỘNG	18.824.755.483	(7.742.294.403)	11.082.461.080	23.182.618.258	(17.125.745.697)	6.056.872.561	

(*) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Bao bì Ta liên quan đến các công việc xây dựng và lắp đặt được thực hiện theo Hợp đồng số CT201101 GC-820A1 cho dự án Spaceship Mart; cùng toàn bộ việc thi công, hoàn thiện hệ thống và các hạng mục xây dựng liên quan tại Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	7.870.718.200	-	-	-
Hàng hóa	618.571.713	-	2.112.190.679	-
TỔNG CỘNG	8.489.289.913	-	2.112.190.679	-

VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.013.562.304	325.788.803
Chi phí phần mềm	836.315.186	126.048.492
Công cụ, dụng cụ	177.247.118	132.475.272
Khác	-	67.265.039
Dài hạn	528.919.027	732.635.852
Công cụ, dụng cụ	219.569.261	287.067.558
Khác	309.349.766	445.568.294
TỔNG CỘNG	1.542.481.331	1.058.424.655

VND

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	8.110.808.637	8.110.808.637
Mua trong năm	380.508.584	-	380.508.584
Số cuối năm	380.508.584	8.110.808.637	8.491.317.221
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	1.391.272.273	1.391.272.273
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	-	(2.285.538.244)	(2.285.538.244)
Khấu hao trong năm	(141.024.801)	(735.280.908)	(876.305.709)
Số cuối năm	(141.024.801)	(3.020.819.152)	(3.161.843.953)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	5.825.270.393	5.825.270.393
Số cuối năm	239.483.783	5.089.989.485	5.329.473.268

VND

Như đã trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã dùng một phần tài sản cố định hữu hình làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
Mua trong năm	-	105.000.000	105.000.000
Số cuối năm	41.000.950.000	159.909.091	41.160.859.091
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(41.029.315)	(41.029.315)
Hao mòn trong năm	-	(17.981.824)	(17.981.824)
Số cuối năm	-	(59.011.139)	(59.011.139)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	41.000.950.000	13.879.776	41.014.829.776
Số cuối năm	41.000.950.000	100.897.952	41.101.847.952

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 15.1)	376.945.000.000	246.945.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	386.945.000.000	256.945.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(88.000.000.000)	(60.433.876.634)
GIÁ TRỊ THUẦN	298.945.000.000	196.511.123.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND	% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt (i)	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,29	169.145.000.000	99,29	119.145.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam (ii)	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,50	119.800.000.000	99,50	39.800.000.000
Công ty Cổ phần Năng và Gió (iii)	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm	Đang hoạt động	88,00	88.000.000.000	88,00	88.000.000.000
TỔNG CỘNG				376.945.000.000		246.945.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con				(88.000.000.000)		(60.433.876.634)
GIÁ TRỊ THUẦN				288.945.000.000		186.511.123.366

(i) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 99,29% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFF"). VFF là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4500577748 do Sở Tài Chính Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 5 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của VFF là sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 14/2025/NQ-HĐQT về việc góp vốn bằng tiền với số tiền 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 cổ phần, để tăng vốn điều lệ của VFF. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm số vốn này vào VFF vào ngày 8 tháng 8 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(ii) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 99,50% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VNCC"). VNCC là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 3600714322 do Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 12 năm 2004, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của VNCC là sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 14/2025/NQ-HĐQT về việc góp vốn bằng tiền với số tiền 80.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ của VNCC. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm số vốn này vào VNCC vào ngày 8 tháng 8 năm 2025.

(iii) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 88,00% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SW"). SW là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 4500624846 do Sở Tài Chính Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của SW là trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.

Chi tiết khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Năng và Gió	<u>(88.000.000.000)</u>	<u>(60.433.876.634)</u>

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Chưa hoạt động	20	<u>10.000.000.000</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	22.127.911.612	645.960.928
Phải trả cho các bên khác	1.995.733.683	989.139.841
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	1.352.000.398	371.478.400
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	222.996.621	-
- Khác	420.736.664	617.661.441
TỔNG CỘNG	<u>24.123.645.295</u>	<u>1.635.100.769</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế TNDN	-	6.826.390.129	(4.466.316.118)	2.360.074.011
Thuế thu nhập cá nhân	197.019.890	3.049.767.903	(2.914.878.516)	331.909.277
Thuế khác	-	6.872.773	(6.872.773)	-
TỔNG CỘNG	197.019.890	9.883.030.805	(7.388.067.407)	2.691.983.288
Phải thu				
Thuế GTGT	8.609.144.127	32.095.673.892	(26.058.507.436)	14.646.310.583
Thuế TNDN	1.466.316.118	-	(1.466.316.118)	-
Thuế khác	117.912.152	-	-	117.912.152
TỔNG CỘNG	10.193.372.397	32.095.673.892	(27.524.823.554)	14.764.222.735

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng	1.723.909.531	1.372.384.380
Chi phí đào tạo	160.000.000	1.272.000.000
Khác	959.632.916	815.165.466
TỔNG CỘNG	2.843.542.447	3.459.549.846

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược	1.055.080.000	1.022.040.000
Cổ tức phải trả	896.800	-
Lãi vay phải trả	-	1.859.506.849
Khác	273.789.973	190.331.662
TỔNG CỘNG	1.329.766.773	3.071.878.511
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	1.859.506.849
Phải trả các bên khác	1.329.766.773	1.212.371.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	VND				
	Số đầu năm	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	96.664.871.380	147.110.630.882	(243.775.502.262)	630.000.000	630.000.000
Vay ngân hàng	38.034.871.380	106.110.630.882	(144.145.502.262)	-	-
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	58.000.000.000	41.000.000.000	(99.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	630.000.000	-	(630.000.000)	630.000.000	630.000.000
Vay dài hạn	2.520.000.000	-	-	(630.000.000)	1.890.000.000
Vay ngân hàng (*)	2.520.000.000	-	-	(630.000.000)	1.890.000.000
TỔNG CỘNG	99.184.871.380	147.110.630.882	(243.775.502.262)	-	2.520.000.000

(*) Công ty thực hiện khoản vay ngân hàng dài hạn nhằm tài trợ cho mua sắm tài sản cố định. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	2.520.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 12 năm 2029	7,9	Tài sản cố định với giá trị được định giá là 4.428.181.818 VND.
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	1.890.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	630.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	306.799.990.000	-	52.699.091.014	359.499.081.014
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	68.238.993.295	68.238.993.295
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.411.949.665)	(3.411.949.665)
Số cuối năm	<u>306.799.990.000</u>	<u>-</u>	<u>117.526.134.644</u>	<u>424.326.124.644</u>
Năm nay				
Số đầu năm	306.799.990.000	-	117.526.134.644	424.326.124.644
Tăng vốn theo chương trình Lựa chọn cho người lao động (i)	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn bằng tiền trong năm (ii)	71.350.000.000	142.379.000.000	-	213.729.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối (iii)	39.314.720.000	-	(39.314.720.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	77.593.285.138	77.593.285.138
Cổ tức (iv)	-	-	(51.487.998.400)	(51.487.998.400)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (v)	-	-	(3.879.664.257)	(3.879.664.257)
Số cuối năm	<u>432.464.710.000</u>	<u>142.379.000.000</u>	<u>100.437.037.125</u>	<u>675.280.747.125</u>

- (i) Vào ngày 5 tháng 12 năm 2024, theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc phát hành 1.500.000 cổ phiếu cho người lao động theo chương trình Lựa chọn cho người lao động.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho người lao động là 1.500.000 cổ phiếu, và mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 306.799.990.000 VND lên thành 321.799.990.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 07/UBCK-QLCB vào ngày 5 tháng 3 năm 2025.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 20 cho việc tăng vốn nói trên.

- (ii) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2025, theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chào bán 7.135.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn chủ sở hữu.

Việc chào bán trên đã được hoàn thành vào ngày 25 tháng 7 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 7.135.000 cổ phiếu, và mức giá phát hành là 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 321.799.990.000 VND lên thành 393.149.999.000 VND, và phát sinh khoản thặng dư vốn cổ phần là 142.379.000.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 3991/UBCK-QLCB vào ngày 1 tháng 8 năm 2025.

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 21 cho việc tăng vốn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (iii) Vào ngày 15 tháng 10 năm 2025, theo Nghị quyết Số 15/2025/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc phát hành 3.931.499 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 3.931.472 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 393.149.990.000 VND lên thành 432.464.710.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 8711/UBCK-QLCB vào ngày 12 tháng 12 năm 2025.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 22 cho việc tăng vốn nói trên.

- (iv) Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025, cổ đông của công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu của công ty, tại tỷ lệ 16% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (1.600 VND/ cổ phần). Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức nêu trên.

- (v) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	306.799.990.000	306.799.990.000
Vốn góp tăng trong năm	125.664.720.000	-
Số cuối năm	432.464.710.000	306.799.990.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	51.487.998.400	-
Cổ tức đã trả	51.487.101.600	-

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu đang lưu hành	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	43.246.471	30.679.999

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	486.382.411.031	346.507.976.109
Doanh thu từ bán hàng hóa	485.860.188.803	345.962.790.919
Doanh thu cung cấp dịch vụ	522.222.228	545.185.190
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.468.614.023)	(10.297.693.942)
Giảm giá hàng bán	(321.601.096)	(609.189.744)
Chiết khấu thương mại	(600.479.880)	(9.662.531.975)
Hàng bán bị trả lại	(3.546.533.047)	(25.972.223)
Doanh thu thuần	481.913.797.008	336.210.282.167
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	481.391.574.780	335.665.096.977
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	522.222.228	545.185.190

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức	45.666.500.000	63.617.000.000
Lãi tiền gửi, cho vay	8.014.403.521	4.217.715.922
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.918.693.783	946.109.010
TỔNG CỘNG	55.599.597.304	68.780.824.932

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	376.446.085.817	261.451.402.002
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	211.090.908	158.318.181
TỔNG CỘNG	376.657.176.725	261.609.720.183

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Dự phòng đầu tư vào công ty con	27.566.123.366	29.471.189.299
Lãi vay	3.676.100.452	6.658.692.078
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	255.524.763	196.905.419
TỔNG CỘNG	31.497.748.581	36.326.786.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.749.638.359	7.681.788.433
Chi phí nhân viên	5.187.218.223	4.298.111.426
Chi phí xúc tiến thương mại	3.348.551.260	4.090.072.360
Chi phí công cụ, dụng cụ	69.737.907	25.623.385
TỔNG CỘNG	21.355.145.749	16.095.595.604

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.643.045.561	8.797.920.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.878.240.491	8.284.002.486
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.216.548.706	3.817.563.716
Chi phí khấu hao và hao mòn	683.196.625	194.802.051
Chi phí công cụ, dụng cụ	329.956.336	128.120.875
Khác	613.935.456	1.518.616.355
TỔNG CỘNG	25.364.923.175	22.741.025.676

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.826.390.129	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
	6.826.390.129	25.181.905
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(314.959.288)	-
TỔNG CỘNG	6.511.430.841	25.181.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.104.715.979	68.264.175.200
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	16.820.943.195	13.652.835.040
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	195.761.263	114.756.006
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
Cổ tức	(9.133.300.000)	(12.723.400.000)
Lỗ thuế các năm trước chuyển sang	(1.371.973.617)	(1.044.191.046)
Chi phí thuế TNDN	6.511.430.841	25.181.905

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	314.959.288	-	314.959.288	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT (đến ngày 11 tháng 4 năm 2025), Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên HĐQT (đến ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG	Cổ tức công bố	42.631.760.000	-	
	Chi trả cổ tức	21.844.160.000	-	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Mua hàng hóa	172.722.061.400	131.348.629.100	
	Trả tiền vay	99.000.000.000	48.000.000.000	
	Vốn góp	80.000.000.000	-	
	Cho vay	41.000.000.000	-	
	Nhận cổ tức	33.830.000.000	26.516.750.000	
	Cổ tức công bố	28.752.000.000	33.830.000.000	
	Lãi vay	1.496.282.192	2.949.004.109	
	Mua dịch vụ	822.222.228	822.222.228	
	Cung cấp dịch vụ	270.000.000	360.000.000	
	Bán hàng hóa	107.607.478	17.182.499	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Mua hàng hóa	212.018.031.337	133.848.969.616	
	Thu hồi			
	khoản cho vay	53.400.000.000	70.000.000.000	
	Vốn góp	50.000.000.000	49.645.000.000	
	Nhận cổ tức	29.787.000.000	19.626.040.849	
	Cổ tức công bố	16.914.500.000	29.787.000.000	
	Cho vay	16.400.000.000	72.000.000.000	
	Lãi cho vay	700.600.548	815.129.315	
	Cung cấp dịch vụ	222.222.228	185.185.190	
	Bán hàng hóa	42.566.666	-	
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Lãi cho vay	5.332.704.110	3.521.230.137	
	Cho vay	5.200.000.000	95.000.000.000	
	Mua hàng hóa	714.511.449	396.222.087	
	Thu hồi			
	khoản cho vay	-	46.000.000.000	
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Cho vay	5.000.000.000	-	
	Thu hồi			
	khoản cho vay	5.000.000.000	-	
	Mua hàng hóa	-	41.647.100	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tạm ứng	136.747.172.188	113.865.516.958
	Hoàn tạm ứng	135.427.464.709	107.528.732.695
	Cổ tức công bố	31.907.200.000	-
	Chi trả cổ tức	19.635.200.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Hoàn tạm ứng	21.818.231.000	1.816.175.177
	Tạm ứng	21.780.000.000	1.502.966.027
	Cổ tức công bố	1.678.560.000	-
	Chi trả cổ tức	1.032.960.000	-
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Hoàn tạm ứng	7.961.000.000	50.000.000
	Cổ tức công bố	2.364.226.800	-
	Chi trả cổ tức	1.454.908.800	-
	Tạm ứng	320.000.000	7.901.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Mua hàng	1.453.305.057	156.591.773
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Mua hàng	-	132.403.229
		1.453.305.057	288.995.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Cổ tức Khác	28.752.000.000 140.308.220	33,830,000,000 -	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Cổ tức Lãi cho vay	16.914.500.000 -	29,787,000,000 19,534,247	
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Lãi cho vay	5.332.704.110	2.169.939.726	
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tạm ứng	9.622.001.613	8.302.294.134	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tạm ứng	260.000.000	7.901.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạm ứng	-	38.231.000	
		61.021.513.943	82.047.999.107	
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Cho vay	-	95.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Cho vay	-	37.000.000.000	
		-	132.000.000.000	
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Cho vay	100.200.000.000	-	
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Mua hàng hóa	14.400.436.125	642.726.928	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Mua hàng hóa	7.727.475.487	-	
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Mua hàng hóa	-	3.234.000	
		22.127.911.612	645.960.928	
Phải trả khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Lãi vay	-	1.859.506.849	
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Đi vay	-	58.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

			VND
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thử	Chủ tịch	781.132.500	782.970.647
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	552.162.500	534.391.664
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	72.000.000	-
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	72.000.000	-
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên		
	(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)	20.200.000	72.000.000
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên		
	(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)	20.200.000	72.000.000
Ban Kiểm soát			
	Trưởng		
Ông Lê Thanh Duy	Ban kiểm soát	97.777.774	106.333.328
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	61.111.114	68.333.336
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	219.270.259	207.933.286
Ban Tổng Giám đốc			
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc	692.170.175	746.996.957
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc	694.077.250	260.608.873
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc	684.785.628	736.863.812
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc	677.499.750	258.647.571
TỔNG CỘNG		4.716.386.950	3.919.079.474

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm		2.572.401.818	3.172.401.818
Từ 1 đến 5 năm		1.620.888.578	4.194.675.273
TỔNG CỘNG		4.193.290.396	7.367.077.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hồng Liên
Người lập



Nguyễn Đỗ Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

